

Số: 91 /TB-TTYT

Gò Quao, ngày 16 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO MỜI CHÀO GIÁ

Về việc mời chào giá hoá chất xét nghiệm, vật tư y tế tiêu hao năm 2024 tại
Trung tâm Y tế huyện Gò Quao

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp tại Việt Nam.

Thực hiện kế hoạch mua sắm hoá chất xét nghiệm, vật tư y tế tiêu hao năm 2024 tại Trung tâm Y tế huyện Gò Quao để có cơ sở xây dựng dự toán cho gói thầu, Trung tâm y tế huyện Gò Quao kính mời các đơn vị tham gia báo giá để làm cơ sở tham khảo xây dựng giá dự toán cho gói thầu. Nội dung chào giá về việc hoá chất xét nghiệm, vật tư y tế tiêu hao năm 2024 tại Trung tâm Y tế huyện Gò Quao như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm y tế huyện Gò Quao (Khu phố Phước Hưng I – Thị Trấn Gò Quao – Huyện Gò Quao – Kiên Giang.

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Trần Văn Nhu - SĐT: 0907.151112.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp (01 bản chính có đóng dấu) tại Khoa Dược – TTB - VTYT, Trung tâm y tế huyện Gò Quao (Khu phố Phước Hưng I – Thị Trấn Gò Quao – Huyện Gò Quao – Kiên Giang. hoặc qua chuyển phát nhanh (01 bản chính có đóng dấu).

- Đồng thời gửi file mềm excel và bản scan PDF theo địa chỉ email: ds.tranvannhugqkg@gmail.com.

4. Thời hạn nhận báo giá: **trước 17h00' ngày 26/8/2024.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 26/08/2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục được đính kèm theo Thông báo số 91./TB-TTYT ngày 16./08/2024 của Trung tâm y tế huyện Gò Quao.

2. Hồ sơ báo giá bao gồm:

a. Báo giá theo mẫu Phụ lục đính kèm công văn này.

b. Các hãng sản xuất, nhà cung cấp phải đính kèm tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hoá chất, vật tư xét nghiệm báo giá./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Công ty báo giá;
- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC



Lê Quang Trung

Danh mục mua sắm hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế tiêu hao năm 2024 tại Trung tâm Y tế huyện Gò Quao

(Kèm thông báo số 91/TB-TTYT ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Trung tâm Y tế huyện Gò Quao tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên hàng hóa	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Glucose GOD PAP 4x100ml	Glucose GOD PAP 4x100ml	ML	3,600		
2	Creatinine	Dùng chẩn đoán cho máy phân tích sinh hóa, Hộp:4x50 ml - Độ dày : 5,0 mm. - Que thử nước tiểu có dạng que và được phủ lên các lớp thuốc thử ở các vị trí khác nhau. - Que thử được sử dụng để định tính và bán định lượng một hoặc nhiều các thành phần của nước tiểu như: Specific Gravity (Trọng lượng riêng), Leucocytes (Bạch cầu), Nitrite (NIT), pH-Level, Protein, Glucose (Đường), Ketones (KET), Urobilinogen, Bilirubin (BIL), Blood (máu), - Hạn sử dụng: 24 tháng, khi chưa mở nắp.	ML	3,200		
3	Que thử nước tiểu 10 thông số	Dùng để xác định hoạt độ của GPT trong huyết thanh và huyết tương.	Que	500		
4	ALT (GPT)	Dùng để xác định hoạt độ của GOT trong huyết thanh và huyết tương.	ML	2,000		
5	AST-GOT	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Uric Acid trong huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu. Phương pháp: Đo quang. Dải đo: lên đến 30 mg/dL. Giới hạn phát hiện: 0.04 mg/dL. Thành phần: R1: Phosphate buffer pH 7.0, ADPS ≥ 0.2 mM, 4-Aminoantipyrine 0.3 mM, R2: Peroxidase (POD) ≥ 2500 U/L, Uricase ≥ 450 U/L, surfactant.	ML	2,000		
6	Uric Acid	Thành phần: - Sodium Chloride < 1,0 % - Detergent < 1,0 % - Buffers < 0.6 %	ML	560		
7	Lyse NK	Dùng chẩn đoán cho máy phân tích sinh hóa, Hộp:4x125 ml	ML	6,000		
8	Urea-U.V	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa, 4 x 20ml	ML	3,000		
9	GAMMA GT FL	Dùng chẩn đoán cho máy phân tích sinh hóa, Hộp:4x50 ml	ML	500		
10	Triglycerides	500 ml	ML	1,500		
11	WBC Lyse NK		ML	4,000		

12	FLUID PACK NaK/Ca/PH	Chất thử dùng cho máy xét nghiệm sinh hóa - điện giải	ML	
13	Anti A	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-A kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	ML	60
14	Anti AB	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-AB kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai	ML	60
15	Quick Test HBsAg	Phát hiện định tính kháng nguyên virus viêm gan B. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,9% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất	Test	600
16	Daily Rinse	Dùng dịch rửa máy hàng ngày dùng cho máy điện giải, nhằm loại bỏ các chất cặn lắng trong đường ống và kim hút của máy.	ML	270
17	Anti B	Là các thuốc thử có sẵn dẫn xuất từ việc nuôi cấy tế bào chuột lai. Anti-B kháng thể đơn dòng dẫn xuất từ tế bào dòng lai Phát hiện định tính nhóm chất thuốc phiện Morphine - Heroin - Opiates trong nước tiểu.	ML	60
18	Quick Test Heroin - Morphine	Ngưỡng phát hiện: 300 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất. Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Methamphetamine (Ma túy đá) trong nước tiểu.	Test	150
19	Quick Test MET	Ngưỡng phát hiện: 500 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất. Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện THC (Bỏ đá) trong nước tiểu.	Test	150
20	Quick Test THC	Ngưỡng phát hiện: 50 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Phát hiện định tính sự có mặt chất gây nghiện Amphetamine (Ma túy tổng hợp) trong nước tiểu.	Test	75
21	Quick Test AMP	Ngưỡng phát hiện: 1000 ng/ml Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất.	Test	150

	Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan C. K. trong sử dụng dung dịch đệm. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh. Độ nhạy: 99,8%. Độ đặc hiệu: 99,2% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất. Giấy phép lưu hành của Bộ Y Tế: SPCD-TTB-301-17 Định lượng HDL Cholesterol trong huyết tương, huyết thanh Phát hiện và phân biệt kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2. Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh Kháng thể đơn dòng có sẵn xuất từ tế bào dòng lai Phát hiện định tính kháng thể kháng virus viêm gan A. Mẫu bệnh phẩm: Huyết tương/Huyết thanh/Máu toàn phần Độ nhạy: 90,6%. Độ đặc hiệu: 97,6% Bảo quản nhiệt độ: 8-30 độ C. Hạn dùng: 24 tháng, kể từ ngày sản xuất Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485:2016 Có chứng nhận chất lượng COA từ nhà sản xuất.			
22 Quick Test HCV		Test	500	
23 HDL DIRECT		ML	960	
24 SD Bioline HIV 1/2 3.0		Test	450	
25 Anti D (IgM+IgG)		ML	10	
26 Quick Test HAV IgM		Test	500	
27 Diluent NK	20,000 ml	Lít	240	
28 Cleanac-3 NK	Dùng để rửa đường dịch trong trường hợp đặc biệt/Trạng thái vật li: chất lỏng/Màu: vàng Dùng để rửa đường dịch Trạng thái vật li: chất lỏng Màu: xanh lá Mùi: nhẹ Độ pH: 7,7 đến 8,3 Tinh tan: tan trong nước Thành phần: Polyoxyethylene nonylphenyl ether 0,05%, Ethylen glycol monophenyl ether 0,33% Cuvette dùng cho máy sinh hóa TC-MATRIX, Bio Chem FC-200	Lít	30	
29 Cleanac NK		Lít	60	
30 Cuvette		Thùng	8	
31 Calcium (4x60 ml)	Định lượng Canxi trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu	ML	500	
32 ALBUMIN	Định lượng Albumin trong huyết tương, huyết thanh	ML	480	
33 Total Proteins (4x60 ml)	Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng Total Protein	ML	500	
34 CHOLESTEROL (8x60 ml)	Dùng chẩn đoán cho máy phân tích sinh hóa, Hộp: 5x100 ml	ML	2,400	
35 Bilirubin Total	Dùng chẩn đoán cho máy phân tích sinh hóa, Hộp: 5x100 ml	ML	500	
36 Bilirubin Direct	Dùng chẩn đoán cho máy phân tích sinh hóa, Hộp: 6x24/6x3 ml	ML	500	

37	Que thử đường huyết	MS 470-011 : gồm 50 que/ly. Sử dụng kèm theo máy đo đường huyết MediSmart Sapphire (Plus). Que thử được giữ nguyên trong hộp bảo quản khô. Que thử chỉ được sử dụng tốt trong vòng 03 tháng kể từ ngày mở lo hoặc ngày hết hạn sử dụng.	Que	2,000	
38	CLEANING SOLUTION	Chất thử sinh hóa dùng cho máy phân tích sinh hóa (1x1L)	ML	300	
39	Amylase	Hóa chất cho xét nghiệm định lượng Amylase trong huyết thanh huyết tương. Phương pháp: Thủy phân. Đãi đo: lên đến 2000 U/L. Giới hạn phát hiện: 0.91 U/L. Thành phần trong phép thử: R1: CNP - G3 2.3 mM, NaCL 350 mM, calcium acetate 6.0 mM, potassium thiocyanate 600 mM, Good 's buffer pH 6.0 100 mM.	ML	480	
40	Test phát hiện 4 chất gây nghiện	Test nhanh xét nghiệm định tính, đồng thời MOP300/AMP1000/MET1000/THC50 trong nước tiểu.	Test	50	
41	Dengue NSI	Phát hiện kháng nguyên NSI Dengue. Test dạng cassette có thể thực hiện trên máu toàn phần, huyết thanh và huyết tương.	Test	50	
42	Human Assay Control Normal (đồng khô được dùng để sử dụng trong phòng thí nghiệm. Chúng sẽ được sử dụng để theo dõi độ chính xác của thiết bị và độ chính xác của các quy trình thử nghiệm Chất nền, Điện giải)	Human Assayed Controls là các biện pháp kiểm soát dựa trên huyết thanh người đồng khô được dùng để sử dụng trong phòng thí nghiệm. Chúng sẽ được sử dụng để theo dõi độ chính xác của thiết bị và độ chính xác của các quy trình thử nghiệm Chất nền, Điện giải	ML	100	
43	Bi-Level Quality Control Kit	Dùng dịch kiểm chuẩn test Na+, K+, Cl-, Li+, Ca++, pH, gồm 2 mức bình thường và bất thường. Gồm dung dịch muối, chất đệm, albumin bò, chất bảo quản.	ML	2	
44	Calibration Serum	10x3ml	ML	60	
45	Haematology Control 3 levels	3x3x3 ml	ML	25	
46	HBAIC Calibrator (4 x 0.5 ml)	Hiệu chuẩn HbA1c/Hb Hemolysate từ máu người TTAB = tetradecyl trimethyl ammonium bromide 9g/l Chất ổn định	ML	18	
47	Chất kiểm tra nồng độ trung bình	SPINTROL "H" NORMAL.Human source	ML	45	
48	Chất kiểm tra nồng độ cao (4 x 3 ml)	SPINTROL "H" PATHOLOGICAL.Human source	ML	45	
49	Chất chuẩn Calibrator (4 x 3 ml)	SPINTROL "H" CALIBRATOR.Human source	ML	24	
50	Gel siêu âm	Gel sử dụng trong siêu âm, phù hợp với tần số siêu âm đang sử dụng. • Hóa chất bên trong là EDTA K2 với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. • Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c...) • Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút	Cal 5 Lit	5	
51	Ống nghiệm Edta 2ml		ống	4,800	

52	Ống nghiệm Heparine 2ml	• Bên trong là chất kháng đông Heparin Lithium, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 5 - 10 phút	ống	4.800	
53	Ống nghiệm Serum 2ml nắp đỏ	• Hóa chất bên trong là hạt nhựa Poly Styrene , giúp tiến trình đông máu diễn tiến nhanh chỉ từ 3 - 5 phút, Chịu được lực quay ly tâm gia tốc tối đa 6.000 vòng/phút trong thời gian 5 - 10 phút	ống	400	
54	Lọ đựng nước tiểu nắp đỏ	Lọ đựng nước tiểu vô trùng: Lọ nhựa PS trắng trong, có nhãn màu trắng, nắp màu đỏ, dung tích 55ml; Sử dụng nhựa y tế trung tính, tinh khiết 100%. Tiết trùng bằng tia Gamma. - Dùng cho các loại bút lấy máu cho máy đo đường huyết thông dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 (như mô tả hoặc tương đương).	Lọ	400	
55	Kim lấy máu		Cái	2.000	
56	Giấy điện tim 80x90		Xấp	50	
57	Giấy điện tim 63x100		Xấp	50	
58	Acidhydrochloric 37%		Lít	1	
59	Lam kính (đầu nhám)		Hộp	32	
60	Giấy lọc		Hộp	10	
61	Cốc đựng đờm		Cái	2.500	
62	Còn 90 độ		Lít	30	
63	Giấy lau		Xấp	5	
					TỔNG CỘNG